

Trong quá trình thực hiện, có gì vướng mắc, cần phản ảnh kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo để giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

*Thứ trưởng*

**Trần Văn Nhung**

## **BỘ TÀI CHÍNH**

**THÔNG TƯ số 56/2004/TT-BTC**  
**ngày 14/6/2004 hướng dẫn xử**  
**lý tài chính thực hiện tổ chức**  
**lại sản xuất và chuyển đổi sở**  
**hữu đối với các Công ty, Nhà**  
**máy đường.**

*Căn cứ Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức lại sản xuất và thực hiện một số giải pháp xử lý khó khăn đối với các nhà máy và công ty đường; Quyết định số 49/2004/QĐ-TTg ngày 30/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung Điều 5 Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg nêu trên; Bộ Tài chính hướng dẫn về xử lý tài chính thực hiện tổ chức lại sản xuất và chuyển đổi sở hữu đối với các Công ty, Nhà máy đường như sau:*

## **Mục I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Phạm vi áp dụng:**

Thông tư này được áp dụng để xử lý tồn tại về tài chính và các khoản nợ, để tổ chức lại sản xuất đối với các doanh nghiệp sản xuất đường gặp khó khăn trong kinh doanh hoặc bị thua lỗ.

### **2. Đối tượng và nguyên tắc áp dụng biện pháp hỗ trợ, xử lý tài chính:**

2.1. Đối tượng áp dụng Thông tư này bao gồm các công ty, nhà máy đường (sau đây gọi là doanh nghiệp sản xuất đường) thuộc Phụ lục kèm theo Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Các biện pháp hỗ trợ, xử lý tài chính đến thời điểm ngày 31/12/2003 cho doanh nghiệp thuộc nhóm 1 và nhóm 2 Phụ lục kèm theo Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ không vượt quá số lỗ phát sinh lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2003 của doanh nghiệp.

2.3. Các doanh nghiệp thuộc nhóm 2 Phụ lục kèm theo Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ, sau khi đã áp dụng các giải pháp hỗ trợ, xử lý tài chính mà phương án tài chính cơ cấu lại của doanh nghiệp không đủ điều kiện để thực hiện cổ phần hóa, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp thì thực hiện giải thể hoặc

phá sản doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

## Mục II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### A. XỬ LÝ HỒ TRỢ TÀI CHÍNH CHO DOANH NGHIỆP THUỘC NHÓM 1 PHỤ LỤC KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 28/2004/QĐ-TTg NGÀY 04/3/2004 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

#### 1. Xóa nợ khoản phải nộp ngân sách nhà nước:

1.1. Các doanh nghiệp sản xuất đường nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh dẫn đến bị lỗ, được xóa nợ khoản nộp ngân sách nhà nước về thuế giá trị gia tăng phát sinh từ năm 2001 - 2003 đối với sản phẩm đường và các phụ phẩm, phế liệu thu hồi từ sản xuất đường bán ra. Số tiền được xóa nợ tương ứng với số còn nợ ngân sách nhà nước đến ngày 31 tháng 12 năm 2003.

#### 1.2. Hồ sơ xét xóa nợ ngân sách:

Doanh nghiệp thuộc đối tượng được xóa nợ ngân sách về thuế giá trị gia tăng phải lập hồ sơ gửi tới Cục thuế tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính, hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị xóa nợ ngân sách

của doanh nghiệp, nêu rõ lý do lỗ, số đề nghị xóa nợ.

+ Quyết toán thuế các năm từ 2001 - 2003, trong đó nêu rõ số thuế giá trị gia tăng nợ đọng lũy kế đến ngày 31/12/2003.

+ Báo cáo tài chính của doanh nghiệp các năm từ 2001 - 2003.

1.3. Trình tự và thẩm quyền giải quyết:

Cục thuế tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp, chịu trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, xác minh tính chính xác số nợ ngân sách về thuế giá trị gia tăng, có công văn đề nghị cụ thể về việc xử lý nợ ngân sách của doanh nghiệp và gửi toàn bộ hồ sơ về Tổng cục Thuế để thẩm định trình Bộ Tài chính ra quyết định xóa nợ cho doanh nghiệp.

#### 2. Điều chỉnh lãi suất cho vay và cấp bù chênh lệch lãi suất:

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ; đối với các nhà máy là công ty cổ phần vay vốn tín dụng để đầu tư xây dựng nhà máy hoặc nhà máy thuộc doanh nghiệp nhà nước vay vốn của các tổ chức tín dụng trong nước để góp vốn pháp định trong các liên doanh sản xuất chế biến đường ngoài việc xóa nợ khoản nộp ngân sách nêu trên còn được áp dụng mức lãi suất hiện hành của tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004 đối với các khoản vay trong

nước (Quỹ Hỗ trợ phát triển, các ngân hàng thương mại) có mức lãi suất khác nhau trong từng thời kỳ, có số dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2003. Ngân sách nhà nước cấp bù khoản chênh lệch giữa lãi suất thương mại với lãi suất được điều chỉnh cho các tổ chức tín dụng cho vay.

Trình tự thực hiện điều chỉnh lãi suất cho các doanh nghiệp này và cấp bù chênh lệch lãi suất cho các tổ chức tín dụng, thực hiện theo quy định tại điểm 1 Phần B của Thông tư này.

**B. XỬ LÝ HỖ TRỢ TÀI CHÍNH CHO DOANH NGHIỆP THUỘC NHÓM 2 PHỤ LỤC KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 28/2004/QĐ-TTg NGÀY 04/3/2004 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**1. Điều chỉnh lãi suất cho vay và cấp bù chênh lệch lãi suất:**

**1.1. Điều chỉnh lãi suất cho vay:**

Các doanh nghiệp sản xuất đường có vay vốn của Quỹ Hỗ trợ phát triển, các ngân hàng thương mại để nhập khẩu thiết bị, đầu tư xây dựng Nhà máy đường và vùng nguyên liệu mía, có mức lãi suất khác nhau trong từng thời kỳ, có số dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2003, được điều chỉnh theo mức lãi suất hiện hành của tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004 là 5,4%/năm.

1.1.1. Các khoản vốn vay được điều chỉnh theo lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004 là 5,4%/năm gồm số dư nợ vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2003 của các nguồn cho vay sau:

- Nguồn vốn cho vay tín dụng đầu tư theo kế hoạch của Nhà nước.

- Nguồn huy động cho vay thương mại bằng nội tệ (kể cả khoản vay nhận nợ bắt buộc phát sinh sau ngày 01 tháng 01 năm 2004), cho vay bằng ngoại tệ của Ngân hàng thương mại.

- Nguồn vốn hỗ trợ phát triển của Chính phủ (ODA) cho các doanh nghiệp sản xuất đường vay (kể cả ngoại tệ từ nguồn vốn ODA mà Bộ Tài chính cho các ngân hàng thương mại vay để các ngân hàng thương mại cho các Nhà máy đường vay lại).

1.1.2. Tỷ giá quy đổi số dư nợ vay ngoại tệ đến ngày 31 tháng 12 năm 2003 sang Việt Nam Đồng:

- Đối với ngoại tệ do các ngân hàng thương mại cho vay (kể cả ngoại tệ từ nguồn vốn ODA mà Bộ Tài chính cho các Ngân hàng thương mại vay để các Ngân hàng thương mại cho các Nhà máy đường vay lại), được quy đổi sang Việt Nam Đồng theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2003.

- Đối với ngoại tệ từ nguồn vốn ODA cho vay thông qua Quỹ Hỗ trợ phát triển và ngoại tệ do Quỹ tích lũy Bộ Tài chính bảo lãnh cho vay, được quy đổi sang Việt Nam Đồng theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2003.

1.1.3. Thực hiện điều chỉnh lãi suất vay và thời hạn cho vay:

- Căn cứ Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ cho phép doanh nghiệp sản xuất đường được áp dụng mức lãi suất hiện hành của tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; hợp đồng vay, hợp đồng bảo lãnh vay và hướng dẫn tại Thông tư này; các tổ chức cho vay và doanh nghiệp sản xuất đường tiến hành lập biên bản đối chiếu xác nhận số dư nợ vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2003 và thực hiện ký kết hợp đồng vay vốn theo lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước là 5,4%/năm, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004.

- Các khoản vay bằng ngoại tệ nếu chuyển thành nội tệ theo tỷ giá quy đổi tại Thông tư này và áp dụng lãi suất cho vay là 5,4%/năm mà số tiền lãi vay phải trả cao hơn so với số tiền lãi vay trả bằng ngoại tệ tính theo tỷ giá quy đổi nêu trên, thì sau khi chuyển các khoản vay bằng ngoại tệ thành nội tệ, doanh nghiệp sản xuất đường được áp dụng lãi suất cho vay bằng ngoại tệ trong hợp đồng cho vay ngoại tệ đã ký trước ngày 01 tháng 01 năm 2004.

- Trường hợp sau thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2004 lãi suất cho vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước có thay đổi, Bộ Tài chính căn cứ tình hình thực tế, hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất đường trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định điều chỉnh lãi suất vay cho doanh nghiệp.

- Thời hạn cho vay đối với các khoản vay có số dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2003 sau khi đã điều chỉnh theo lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước tối đa là 15 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004. Trường hợp khoản cho vay có thời hạn vay còn lại theo hợp đồng vay vốn đã ký trước ngày 01 tháng 01 năm 2004 trên 15 năm thì thời hạn cho vay được thực hiện theo thời hạn trong hợp đồng đã ký trước ngày 01 tháng 01 năm 2004.

- Biên bản đối chiếu xác nhận số dư nợ vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2003 và hợp đồng vay vốn sau khi điều chỉnh theo lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước giữa doanh nghiệp sản xuất đường và tổ chức cho vay, các doanh nghiệp sản xuất đường gửi Bộ Tài chính đồng thời gửi Bộ quản lý ngành, Tổng công ty đối với doanh nghiệp thuộc Trung ương quản lý; Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố đối với doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý để theo dõi quản lý.

- Các ngân hàng thương mại, Quỹ Hỗ trợ phát triển tổng hợp toàn bộ hợp đồng

tín dụng cho các doanh nghiệp sản xuất đường vay và gửi Bộ Tài chính làm cơ sở tính cấp bù lãi suất hàng năm.

### 1.2. Cấp bù chênh lệch lãi suất:

1.2.1. Đối tượng cấp bù là: các tổ chức tín dụng cho vay trong nước (Ngân hàng thương mại, Quỹ Hỗ trợ phát triển) có ký kết hợp đồng cho doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần vay vốn để góp vốn pháp định trong các doanh nghiệp sản xuất đường hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài và cho các doanh nghiệp sản xuất đường thuộc nhóm 2 Phụ lục kèm theo Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ vay để nhập khẩu thiết bị, đầu tư xây dựng Nhà máy đường và vùng nguyên liệu mía.

1.2.2. Phạm vi cấp bù chênh lệch lãi suất là: toàn bộ số nợ vay phải trả kể từ thời điểm điều chỉnh lãi suất ngày 31 tháng 12 năm 2003 và các năm sau theo tiến độ trả nợ trong hợp đồng vay của các nguồn vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch nhà nước, nguồn vốn ODA (kể cả nguồn vốn ODA mà Bộ Tài chính cho các ngân hàng thương mại vay để các ngân hàng thương mại cho các Nhà máy đường vay lại) và nguồn vốn cho vay thương mại.

1.2.3. Mức cấp bù là khoản chênh lệch giữa lãi suất vay thương mại với lãi suất cho vay hiện hành của tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

1.2.4. Thực hiện cấp bù chênh lệch lãi

suất: ngân sách nhà nước cấp bù khoản chênh lệch lãi suất cho vay cho các tổ chức tín dụng kể từ thời điểm điều chỉnh lãi suất ngày 31 tháng 12 năm 2003.

- Đối với Quỹ Hỗ trợ phát triển: việc cấp bù chênh lệch lãi suất thực hiện theo quy định tại Thông tư số 43/2000/TT-BTC ngày 23/5/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn cấp bù chênh lệch lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước.

- Đối với Ngân hàng thương mại: việc cấp bù chênh lệch lãi suất, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 53/2000/TT-BTC ngày 06/6/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện nhiệm vụ cho vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và Thông tư số 02/2001/TT-BTC ngày 05/01/2001 của Bộ Tài chính bổ sung, sửa đổi Thông tư số 53/2000/TT-BTC ngày 06/6/2000 của Bộ Tài chính nêu trên.

## 2. Xóa nợ lãi tiền vay, phí bảo lãnh, phí tái bảo lãnh:

2.1. Các doanh nghiệp sản xuất đường gặp khó khăn về tài chính, kinh doanh thua lỗ được xóa nợ lãi tiền vay đối với các khoản vay trong nước bao gồm: vay bằng nội tệ, vay bằng ngoại tệ và các khoản nợ phí bảo lãnh, phí tái bảo lãnh đối với các khoản vay nước ngoài (bằng ngoại tệ, vay nhập khẩu thiết bị trả chậm) do các tổ chức trong nước bảo lãnh mà doanh nghiệp sản xuất đường còn nợ các tổ chức cho vay, bảo lãnh vay tính

đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003.

Tổ chức trong nước cho các doanh nghiệp sản xuất đường vay vốn và bảo lãnh vay là các ngân hàng thương mại, Quỹ Hỗ trợ phát triển, Quỹ tích lũy Bộ Tài chính.

2.2. Hồ sơ xử lý xóa nợ lãi vay, phí bảo lãnh, phí tái bảo lãnh:

Căn cứ Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ, cho phép xóa nợ lãi vay, phí bảo lãnh, phí tái bảo lãnh cho các doanh nghiệp sản xuất đường; các tổ chức cho vay trong nước và doanh nghiệp tiến hành lập biên bản đối chiếu xác nhận các khoản nợ lãi vay, phí bảo lãnh, phí tái bảo lãnh mà doanh nghiệp sản xuất đường còn nợ các tổ chức trong nước cho vay đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003.

Doanh nghiệp thuộc đối tượng được xóa nợ lãi vay, phí bảo lãnh, phí tái bảo lãnh lập hồ sơ gửi Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đồng thời gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng công ty đối với doanh nghiệp thuộc Tổng công ty; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Sở Tài chính tỉnh, thành phố đối với doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý. Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị xóa nợ lãi vay phí bảo lãnh, phí tái bảo lãnh của doanh nghiệp, nêu rõ số nợ lãi vay của các khoản vay trong nước (bằng nội tệ, ngoại

tệ), phí bảo lãnh, phí tái bảo lãnh của khoản vay nước ngoài (bằng ngoại tệ, vay nhập khẩu thiết bị trả chậm), số đề nghị xóa nợ, số lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2003, trong đó lỗ do lãi vay phí bảo lãnh, phí tái bảo lãnh.

+ Hợp đồng vay, hợp đồng bảo lãnh vay, giấy nhận nợ.

+ Biên bản đối chiếu xác nhận nợ lãi vay, phí bảo lãnh, phí tái bảo lãnh giữa doanh nghiệp sản xuất đường với tổ chức trong nước cho vay, bảo lãnh vay.

+ Báo cáo tài chính của doanh nghiệp thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2002.

2.3. Thực hiện xử lý, hạch toán xóa nợ lãi vay, phí bảo lãnh, phí tái bảo lãnh mà doanh nghiệp sản xuất đường còn nợ các tổ chức trong nước cho vay đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003:

Sau khi tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp, Bộ Tài chính xem xét kiểm tra hồ sơ, xác định số lãi vay, phí bảo lãnh, phí tái bảo lãnh xóa nợ cho doanh nghiệp thuộc Trung ương quản lý. Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét kiểm tra hồ sơ, xác định số lãi vay, phí bảo lãnh, phí tái bảo lãnh được xóa nợ của doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý và thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và tổ chức cho vay. Thông báo xóa nợ của Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho các doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý đồng thời gửi Bộ Tài chính để theo dõi quản lý.

Căn cứ văn bản thông báo xóa nợ lãi vay, phí bảo lãnh, phí tái bảo lãnh của cơ quan tài chính:

- Các tổ chức tín dụng hạch toán giảm thu nhập bằng đúng số đã xóa nợ lãi vay, phí bảo lãnh, phí tái bảo lãnh. Trường hợp khoản lãi vay, phí bảo lãnh, phí tái bảo lãnh đã hạch toán giảm thu nhập thì tiến hành xuất toán khỏi tài khoản ngoại bảng.

- Bộ Tài chính thực hiện hạch toán giảm nợ phải thu về lãi vay, phí bảo lãnh cho doanh nghiệp sản xuất đường do Quỹ tích lũy Bộ Tài chính trực tiếp bảo lãnh cho vay.

- Doanh nghiệp sản xuất đường căn cứ văn bản thông báo xóa nợ lãi vay, phí bảo lãnh, phí tái bảo lãnh của cơ quan tài chính hạch toán giảm nợ phải trả để giảm lỗ tương ứng với số lãi vay phí bảo lãnh, phí tái bảo lãnh được xóa nợ.

### **3. Xóa nợ khoản phải nộp ngân sách nhà nước:**

- Các doanh nghiệp sản xuất đường nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh dẫn đến bị lỗ, được xóa nợ khoản nộp ngân sách nhà nước về thuế giá trị gia tăng phát sinh từ năm 2001 - 2003 đối với sản phẩm đường và sản phẩm có sử dụng phụ phẩm, phế liệu thu hồi từ sản xuất đường. Số tiền được xóa nợ tương ứng với số còn nợ ngân sách nhà nước đến ngày 31 tháng 12 năm 2003.

- Thủ tục, trình tự và hồ sơ xóa nợ ngân sách theo hướng dẫn tại điểm 1 Phần A của Thông tư này.

### **4. Cấp bù chênh lệch tỷ giá ngoại tệ:**

4.1. Các doanh nghiệp sản xuất đường vay ngoại tệ của các tổ chức tín dụng trong nước và vay ngoại tệ nước ngoài (kể cả vay nhập khẩu thiết bị sản xuất đường theo hình thức chậm trả) để đầu tư xây dựng nhà máy đường và vùng nguyên liệu theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng, phát sinh chênh lệch tỷ giá ngoại tệ dẫn đến lỗ, được ngân sách nhà nước cấp bù toàn bộ khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh nhưng chưa được xử lý đến ngày 31 tháng 12 năm 2003.

4.2. Xác định mức chênh lệch tỷ giá ngoại tệ cấp bù là:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của ngoại tệ vay nhập khẩu thiết bị (kể cả vay nhập khẩu thiết bị trả chậm) và ngoại tệ do doanh nghiệp tự mua để trả nợ bao gồm cả ngoại tệ trả nợ gốc và lãi, theo tỷ giá thực tế do ngân hàng cho vay công bố tại thời điểm nhập thiết bị so với thời điểm trả nợ theo hợp đồng vay nợ đã ký kết với nước ngoài hoặc với tổ chức tín dụng, tổ chức bảo lãnh vay.

4.3. Hồ sơ xử lý cấp bù chênh lệch tỷ giá:

Doanh nghiệp thuộc đối tượng được

cấp bù chênh lệch tỷ giá ngoại tệ lập hồ sơ gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng công ty đối với doanh nghiệp thuộc Tổng công ty; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Sở Tài chính tỉnh, thành phố đối với doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý. Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp bù chênh lệch tỷ giá của doanh nghiệp, nêu rõ số ngoại tệ do các tổ chức bảo lãnh vay trả thay doanh nghiệp, số ngoại tệ do doanh nghiệp tự trả, số lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2003 trong đó lỗ do tỷ giá, số chênh lệch tỷ giá ngoại tệ đề nghị cấp bù.

+ Quyết định đầu tư dự án và văn bản chấp thuận nhập khẩu thiết bị của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

+ Quyết định phê duyệt quyết toán dự án đầu tư nhà máy đường; vùng nguyên liệu của cấp có thẩm quyền.

+ Các hợp đồng vay có liên quan đến nhập khẩu thiết bị, giấy nhận nợ, bảo lãnh vay.

+ Bảng kê chênh lệch tỷ giá sau khi được đối chiếu và xác nhận giữa các ngân hàng cho vay trong nước đối với khoản vay ngoại tệ trong nước hoặc của tổ chức nhận bảo lãnh vay với doanh nghiệp.

+ Báo cáo tài chính của doanh nghiệp thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003.

4.4. Trình tự và thẩm quyền giải quyết:

Các cơ quan tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, xác định số liệu chênh lệch tỷ giá, có công văn đề nghị cụ thể việc xử lý cấp bù chênh lệch tỷ giá của doanh nghiệp và gửi toàn bộ hồ sơ về Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp) để thẩm định trình Bộ Tài chính cấp bù chênh lệch tỷ giá cho doanh nghiệp.

## 5. Cho vay thanh toán khối lượng xây dựng cơ bản đã hoàn thành:

5.1. Đối với khối lượng xây dựng cơ bản thuộc dự án đầu tư Nhà máy đường đã hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án đầu tư theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, nhưng chưa được vay vốn để thanh toán cho các nhà thầu thì:

- Quỹ Hỗ trợ phát triển tiếp tục cho vay đối với các dự án nhà máy đường trước đây đã vay vốn đầu tư từ Quỹ Hỗ trợ phát triển để thanh toán cho các Nhà thầu.

- Ngân hàng thương mại tiếp tục cho vay đối với các dự án nhà máy đường trước đây đã vay vốn đầu tư từ Ngân hàng thương mại để thanh toán cho các Nhà thầu.

- Lãi suất và thời hạn cho vay vốn thực hiện theo quy định tại điểm 1 Phần B của Thông tư này.

5.2. Điều kiện để tiếp tục cho vay đối với doanh nghiệp có dự án đầu tư Nhà máy đường:



- Quyết toán dự án đầu tư dự án Nhà máy đường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Văn bản xác định hạng mục dự án và giá trị khối lượng đã hoàn thành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với dự án đầu tư Nhà máy đường thuộc Tổng công ty), của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với dự án đầu tư nhà máy đường thuộc địa phương quản lý), nằm trong quyết toán dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định hiện hành, nhưng chưa được vay vốn để thanh toán cho các nhà thầu.

- Hồ sơ xác định khối lượng hoàn thành thanh toán theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

**C. XỬ LÝ TÀI CHÍNH VÀ GIẢI QUYẾT CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC NHÓM 3 PHỤ LỤC KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 28/2004/QĐ-TTg NGÀY 04/3/2004 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**1. Đối với Nhà máy phải di chuyển đến địa điểm mới:**

1.1. Đối với các doanh nghiệp nhà nước

sản xuất đường phải di chuyển đến địa điểm mới, việc di chuyển đảm bảo nguyên tắc không hình thành doanh nghiệp mới. Dự án đầu tư di chuyển nhà máy phải trên cơ sở phương án tài chính cơ cấu lại với các biện pháp hỗ trợ xử lý tài chính theo quy định tại Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ, sau khi di chuyển có hiệu quả.

1.2. Căn cứ nguyên tắc nêu trên doanh nghiệp lập dự án đầu tư di chuyển báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

**2. Đối với doanh nghiệp sản xuất đường bị thua lỗ phải dừng sản xuất thực hiện các biện pháp xử lý tài chính và chính sách cho người lao động như sau:**

2.1. Đối với doanh nghiệp sau khi dừng sản xuất đường, không có khả năng duy trì hoạt động kinh doanh hoặc việc duy trì doanh nghiệp là không cần thiết theo quy hoạch, sắp xếp, tổ chức lại doanh nghiệp của các Bộ, ngành, địa phương, Tổng công ty thì thực hiện giải thể doanh nghiệp. Trình tự, thủ tục, xử lý tài chính khi giải thể doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 66/2002/TT-BTC ngày 06/8/2002 của Bộ Tài chính.

2.2. Đối với doanh nghiệp sau khi dừng sản xuất đường vẫn còn duy trì các hoạt

động kinh doanh khác được Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho phép chuyển đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thực hiện chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp theo phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, thực hiện biện pháp xử lý như sau:

### 2.2.1. Về xử lý tài chính:

- Thực hiện thanh lý, nhượng bán tài sản theo Quy chế quản lý tài chính hiện hành đối với doanh nghiệp nhà nước hoặc thông qua Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp để thu hồi vốn cho Nhà nước.

- Về nợ vay đầu tư sản xuất đường: các khoản vay ngân hàng để đầu tư sản xuất đường của doanh nghiệp còn tồn đọng, doanh nghiệp lập hồ sơ và thực hiện xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 74/2002/TT-BTC ngày 09/9/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc đánh giá lại khoản nợ tồn đọng không có tài sản đảm bảo của ngân hàng thương mại nhà nước theo Quyết định số 149/2001/QĐ-TTg ngày 05/10/2001 Thủ tướng Chính phủ.

- Doanh nghiệp dừng sản xuất đường vẫn còn duy trì các hoạt động kinh doanh khác và thực hiện chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp được loại trừ giá trị tài sản thanh lý, khoản nợ vay đầu tư sản xuất đường còn tồn đọng nêu trên khi xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi sở hữu.

- Về xử lý lỗ, nợ phải thu khó đòi phát sinh trước thời điểm dừng sản xuất:

Khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sở hữu, các khoản lỗ, nợ phải thu khó đòi phát sinh trước thời điểm dừng sản xuất đường quá lớn, sau khi đã được xử lý theo quy định tài chính hiện hành về chuyển đổi doanh nghiệp mà giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp không đủ để thực hiện phương án chuyển đổi sở hữu được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp và phương án chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tùy theo từng trường hợp cụ thể đối với những doanh nghiệp xét thấy có thể chuyển đổi sở hữu được, thì Bộ Tài chính cấp phát từ nguồn chi phí cải cách doanh nghiệp để bù đắp lỗ, nợ phải thu khó đòi cho doanh nghiệp, số tiền bù đắp được hạch toán thuộc giá trị vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

### 2.2.2. Xử lý chính sách cho người lao động của doanh nghiệp do phải dừng sản xuất đường:

- Sau khi dừng sản xuất đường, trong thời gian thực hiện cơ cấu lại tài chính và lập phương án chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đối với người lao động dôi dư của doanh nghiệp do phải dừng sản xuất đường được áp dụng cơ chế hỗ trợ đối với lao động dôi dư theo Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11/4/2002 của Chính phủ. Số lao động đã được giải quyết chế độ lao động dôi dư do phải

dừng sản xuất đường nêu trên sẽ không được tính trong danh sách lao động của doanh nghiệp khi doanh nghiệp xây dựng phương án sắp xếp lại lao động để thực hiện chuyển đổi sở hữu và không được tham gia hưởng quyền lợi như mua cổ phần ưu đãi, cổ phần ưu đãi trả chậm đối với người nghèo, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp.

- Hồ sơ, thủ tục, trình tự xử lý giải quyết chế độ lao động dôi dư theo Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11/4/2002 của Chính phủ cho người lao động trong các doanh nghiệp do dừng sản xuất đường, thực hiện theo văn bản hướng dẫn hiện hành của Nhà nước.

#### **D. HỖ TRỢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU**

Các doanh nghiệp sản xuất đường có dự án đầu tư phát triển vùng nguyên liệu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoặc hồ sơ, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án phát triển vùng nguyên liệu được cấp có thẩm quyền đề nghị, thực hiện các biện pháp hỗ trợ như sau:

**1.** Dự án đầu tư phát triển vùng nguyên liệu của doanh nghiệp được Quỹ Hỗ trợ phát triển cho vay thì Quỹ Hỗ trợ phát triển chịu trách nhiệm thẩm định dự án đầu tư, phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay và quyết định cho vay trong phạm vi tổng mức vốn tín dụng đầu tư phát triển được Chính phủ

giao hàng năm. Trường hợp doanh nghiệp sản xuất đường vay vốn của các ngân hàng thương mại để thực hiện dự án đầu tư phát triển vùng nguyên liệu được Quỹ Hỗ trợ phát triển hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo quy định hiện hành.

**2.** Ngân sách trung ương hỗ trợ nhập khẩu và nhân giống mới, xây dựng hồ chứa nước, công trình thủy lợi đầu mối (kênh cấp 1 và cấp 2) và giao thông trong vùng nguyên liệu.

**3.** Ngân sách địa phương hỗ trợ đầu tư hạ tầng ngoài nhà máy và ngoài vùng nguyên liệu. Các địa phương cần huy động đóng nguồn góp của người dân trong vùng dự án để tham gia đầu tư phát triển vùng mía.

**4.** Căn cứ nhu cầu chi đầu tư dự án phát triển vùng nguyên liệu, doanh nghiệp sản xuất đường báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố để bố trí cân đối nguồn vốn và xác định số tiền hỗ trợ cho dự án theo nội dung quy định tại điểm 2 và 3 Phần D nêu trên, tổng hợp trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm làm căn cứ thực hiện.

#### **Mục III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Căn cứ hướng dẫn xử lý vấn đề tài chính thực hiện chuyển đổi sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước và biện pháp xử lý tài chính cho doanh nghiệp sản

xuất đường theo hướng dẫn tại Thông tư này, các doanh nghiệp sản xuất đường thuộc nhóm 2 Phụ lục kèm theo Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện kiểm kê toàn bộ tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp, xác định giá trị doanh nghiệp chuyển đổi và lựa chọn hình thức chuyển đổi: cổ phần hóa, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp, xây dựng phương án chuyển đổi doanh nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**2.** Sau khi phương án chuyển đổi doanh nghiệp sản xuất đường thuộc nhóm 2 Phụ lục kèm theo Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và căn cứ kết quả kiểm toán thực trạng tình hình đầu tư và tài chính của doanh nghiệp của Kiểm toán Nhà nước theo Quyết định số 49/2004/QĐ-TTg ngày 30/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ; Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan thực hiện các biện pháp hỗ trợ, xử tài chính theo Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này cho doanh nghiệp.

**3.** Các doanh nghiệp thuộc nhóm 2 và 3 Phụ lục kèm theo Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ chỉ thực hiện các biện pháp xử lý tài chính khi có báo cáo kết quả kiểm toán thực trạng đầu tư và tài chính doanh nghiệp của Kiểm toán Nhà nước theo Quyết định số 49/2004/QĐ-TTg ngày 30/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ.

**4.** Việc xử lý lỗ đối với các doanh nghiệp sản xuất đường trong quá trình chuyển đổi sở hữu, quy định tại điểm d mục 2 Điều 3 Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính có Thông tư hướng dẫn riêng để doanh nghiệp thực hiện.

**5.** Bộ Tài chính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các nhà máy đường phối hợp với các tổ chức cho vay, bảo lãnh vay triển khai thực hiện các nội dung nêu trên.

**6.** Hội đồng quản trị các Tổng công ty nhà nước có trách nhiệm phối hợp, tham gia, hướng dẫn, kiểm tra các doanh nghiệp thành viên trong quá trình triển khai thực hiện xử lý tài chính và tổ chức lại sản xuất chuyển đổi sở hữu theo Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này.

**7.** Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các Bộ, địa phương, doanh nghiệp phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Thứ trưởng*

**Lê Thị Băng Tâm**